TAND TỈNH KIÊN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC

*Số: **06**/2018/DS - ST*
Ngày: 14/5/2018
"V/v: Yêu cầu bồi thường tiền do vi phạm nghĩa vụ".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC-TỈNH KIÊN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Ông Trần Ngọc Triệu***
Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Ba
2. Ông Lương Công Chủ

Thư ký phiên toà: ***Ông Phạm Văn Chung,*** *Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.*

Đại diện Viện sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa: ***Ông Lê Văn Chung*** *– Kiểm sát viên.*

Trong các ngày 10 và ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLST-DS ngày 09/01/2018 về: Yêu cầu bồi thường tiền do vi phạm nghĩa vụ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST – DS ngày 11/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST – DS, ngày 27/4/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 139/316 KB Lý Chính T, phường A, quận B, Thành phố. Hồ Chí Minh

Tạm trú: 147A đường 30/4, khu phố A, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1971

Địa chỉ: khu phố 8, phường TL, Thành phố BMT, tỉnh Đắc Lắk

Tạm trú: khu phố 7, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh KG.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963

2. Anh Nguyễn Công Kh, sinh năm 1996

Cùng tạm trú: khu phố A, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2017, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Duy T trình bày:

Vào ngày 01/10/2016, anh T hùn vốn với số tiền 140.000.000đ cùng với chị Th trong việc kinh doanh ăn uống tại quán cơm Nha Trang, địa chỉ: khu phố A, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang. Ngoài số tiền này thì chị Th còn yêu cầu anh T đặt cọc với số tiền 30.000.000đ. Việc đặt cọc này hai bên không làm biên nhận. Sau khi hùn số tiền 140.000.000đ, anh T cùng với chị Th đứng ra kinh doanh quán ăn trên. Đến giữa tháng 4/2017, do anh T có ý định kinh doanh thêm bên ngoài nhưng chị Th không đồng ý nên giữa hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Giữa anh T với chị Th thỏa thuận, anh T sẽ bán lại cổ phần mà trước đây hùn vào quán cơm Nha Trang cho chị Th với số tiền 200.000.000đ. Việc chuyển nhượng cổ phần này hai bên có lập hợp đồng mua lại cổ phần vào ngày 17/5/2017.

Chị Th đã trả cho anh T trước số tiền 150.000.000đ và hai bên có thỏa thuận chị Th có nghĩa vụ thanh toán cho anh T hàng ngày với số tiền 400.000đ cho đến khi hết khoản tiền 50.000.000đ còn lại. Việc thỏa thuận này hai bên có làm giấy cam kết lập ngày 17/5/2017. Nhưng do bà Th trả tiền không liên tục cho anh T nên anh yêu cầu bồi thường theo Giấy cam kết ngày 17/5/2017 là nếu bà Th không thực hiện trả tiền theo đúng thỏa thuận thì bà Th phải bồi thường gấp đôi số tiền đã nợ tại thời điểm cam kết trả nợ là 100.000.000đ cho anh T.

Về số tiền đặt cọc 30.000.000 đồng anh T không trực tiếp đưa cho chị Th nhưng có nhờ anh Nguyễn Đức H (anh ruột anh T) và chị Nguyễn Thị T hiện ở tại địa chỉ quán cơm Nha Trang đưa cho chị Th nhưng ai đưa thì anh T không biết.

Anh T yêu cầu chị Th trả số tiền 130.000.000đ (trong đó 100.000.000đ là tiền chị Th phải bồi thường do vi phạm thỏa thuận và số tiền 30.000.000đ là tiền đặt cọc trước đây); đối với số tiền nợ còn thiếu 15.500.000đ anh T không yêu cầu do đã nhận trả đủ từ chị Th.

- Bị đơn chị Lê Thị Th trình bày: Nguyên trước chị có mở 01 quán cơm tên Thanh Nha Trang trên đường T nhưng do cần tiền để trang trải cuộc sống nên sang nhượng lại 50% cổ phần của quán cơm này cho anh T. Việc sang nhượng này hai bên có làm giấy tay và có chị Nguyễn Thị T (tên thường gọi là T) làm chứng sang nhượng với giá 140.000.000đ.

Giữa chị Th và anh T đang hoạt động quán bình thường nhưng sau đó giữa chị Th và anh T phát sinh mâu thuẫn nên ngày 17/5/2017 hai bên có lập hợp đồng và chị Th mua lại cổ phần của anh T với số tiền 200.000.000đ, sau khi ký kết hợp đồng chị Th đưa cho anh T 150.000.000đ. Số tiền còn lại 50.000.000đ chị Th sẽ trả hàng ngày cho anh T 400.000đ/ngày và hai bên có viết thêm Giấy cam kết ngày 17/5/2017 thỏa thuận này, có xác nhận của Công an Khu phố 7.

Với số tiền 50.000.000đ chị Th bắt đầu trả cho anh T từ ngày 24/5/2017 đến ngày trả dứt điểm số tiền trên là ngày 26/11/2017, việc nhận tiền hàng ngày do anh T trực tiếp nhận, có sổ theo dõi và anh T trực ký tên nhận tiền. Trong quá trình trả nợ tháng 7/2017 chị Th có trễ hạn 02 ngày nhưng anh T không có ý kiến gì và vẫn tiếp tục nhận tiền còn lại cho đến khi hết số tiền 50 triệu đồng. Do vậy chị Th không còn thiếu anh T số tiền nào, việc anh T yêu cầu chị bồi thường cho T là số tiền 100.000.000đ và trả lại 30.000.000đ tiền đặt cọc là không có cơ sở, chị không đồng ý.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị T trình bày ý kiến: Về số tiền 30.000.000 đồng đặt cọc là do bà T cho anh T mượn và giúp anh T giao tiền cho chị Th. Số tiền 30.000.000 đồng anh T đã trả tiền cho chị Th. Tại thời điểm anh T và chị Th có thỏa thuận việc anh T bán lại cổ phần của anh T tại quán cơm Nha Trang cho chị Th có sự chứng kiến của bà T thì hai bên có thỏa thuận chị Th mua lại thọn gói cổ phần của anh T là 200.000.000 đồng bao gồm cả số tiền đặt cọc 30.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Công Kh con bà Lê Thị Th ý kiến: Giấy cam kết ngày 17/5/2017 giữa bà Th và ông T do anh viết nội dung: nếu mẹ anh (bà Th) không trả hết số tiền 50.000.000đ thì mới vi phạm nghĩa vụ.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc có ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật; tại phiên tòa có sự thay đổi Hội thẩm nhân dân, Thẩm phán đã giải thích việc thay thế Hội thẩm dự khuyết các đương sự thống nhất và đồng ý tiếp tục xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Ông T yêu cầu giải quyết buộc bà Th trả số tiền nợ còn lại 15.500.000đ, bồi thường số tiền 100.000.000đồng do vi phạm cam kết trả tiền và trả 30.000.000đồng tiền đặt cọc thuê mặt bằng. Tại phiên tòa, ông T xin lại yêu cầu đòi tiền nợ 15.500.000đ và 30.000.000đ tiền đặt cọc thuê mặt bằng, do đó các yêu cầu này miễn xét. Ông T chỉ

yêu cầu bồi thường số tiền 100.000.000đ do vi phạm cam kết, xét yêu cầu này của ông T không có cơ sở chấp nhận.

Bởi vì, bản thân ông T và bà Th đã vi phạm cam kết do bên thỏa thuận theo tờ cam kết ngày 17/5/2017, mặt khác ông T không chứng minh có thiệt hại gì do vi phạm nghĩa vụ gây ra, đồng thời cũng đã nhận đủ số tiền nợ bà Th trả, áp dụng Điều 360 BLDS năm 2015 không chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung tranh chấp:

Vào ngày 01/10/2016 bà Lê Thị Th và anh Nguyễn Duy T có hùn vốn kinh doanh quán cơm tên Thanh Nha Trang tại khu phố A, thị trấn DĐ, huyện PQ. Đến tháng 4/2017 hai bên phát sinh mâu thuẫn nên anh T và bà Th thỏa thuận, anh T sẽ bán lại cổ phần mà trước đây hùn vào quán Thanh Nha Trang cho chị Th với số tiền 200.000.000đ, hai bên lập hợp đồng mua lại cổ phần vào ngày 17/5/2017. Bà Th đã trả cho anh T trước số tiền 150.000.000đ và số tiền còn lại 50.000.000đ bà Th trả cho anh T theo giấy cam kết lập ngày 17/5/2017 nội dung: *anh T đã đồng ý cho trả hàng ngày với số tiền mỗi ngày 400.000đồng, ngày bắt đầu thanh toán tiền là ngày 18/5/2017 cho tới khi hết số tiền 50.000.000đ là hết nợ.... Nếu tôi làm sai theo cam kết trên thì tôi sẽ chịu bồi thường gấp đôi số tiền trên đã nợ ...(số tiền bồi thường là 100.000.000đồng)*. Do bà Th vi phạm nghĩa vụ cam kết trả tiền nên anh T khởi kiện yêu cầu buộc bà Th trả số tiền nợ còn thiếu 15.500.000đ (tính đến ngày khởi kiện), 30.000.000đ tiền đặt cọc thuê mặt bằng và 100.000.000đ tiền vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo cam kết ngày 17/5/2017.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Duy T xin rút lại yêu bà Th trả số tiền nợ còn thiếu 15.500.000đ (tính đến ngày khởi kiện), 30.000.000đ tiền đặt cọc thuê mặt bằng, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với hai yêu cầu này, anh T giữ nguyên yêu cầu buộc bà Th bồi thường số tiền 100.000.000đ

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Duy T về việc buộc bà Th bồi thường số tiền 100.000.000đ do vi phạm theo cam kết trả tiền ngày 17/5/2017, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ: Tại phiên tòa anh T cho rằng theo cam kết thì bà Th trả không đúng số tiền trả hàng ngày (400.000 đồng) và chậm trả một ngày là bà Th phải bồi thường số tiền 100.000.000đồng, tuy nhiên quá trình thực hiện việc trả tiền anh T và bà Th không thực hiện đúng cam kết trả hàng ngày là 400.000 đồng, cụ thể như các ngày 07/6/2017, 16/6/2017, 17/6/2017 bà Th trả anh T nhận 1.000.000 đồng … và có những ngày bà Th không trả tiền, anh T vẫn

chấp nhận không có ý kiến gì cụ thể như ngày 15/6,19/6, 27/6 và ngày 01/7/2017. Việc bà Th vi phạm thời gian trả tiền nhưng anh T không khởi kiện mà vẫn nhận tiền từ bà Th khi bà trả và kéo dài cho tới ngày 26/11/2017 bà Th đã trả cho anh hết số nợ 50.000.000 đồng, điều này thể hiện ý chí anh T là đồng ý thay đổi cam kết trả tiền, thay đổi sự thỏa thuận giữa các bên về nội dung thực hiện, cụ thể là việc trả tiền.

Xét về nội dung cam kết ngày 17/5/2017 "*anh T đã đồng ý cho trả hàng ngày với số tiền mỗi ngày 400.000đồng, ngày bắt đầu thanh toán tiền là ngày 18/5/2017 cho tới khi hết số tiền 50.000.000đ là hết nợ…. Nếu tôi làm sai theo cam kết trên thì tôi sẽ chịu bồi thường gấp đôi số tiền trên đã nợ …(số tiền bồi thường là 100.000.000đồng)*" thì đây là nội dung không cam kết không rõ ràng dễ gây nhầm lẫn về mặt nghĩa của nội dung cam kết. Mặc dù giấy cam kết do người khác viết nhưng anh T khẳng định có đọc lại nội dung và thống nhất với nội dung cam kết, đồng ý ký tên nhưng lại không chứng minh được với nội dung cam kết trên thì không rõ về việc *"nếu làm sai cam kết là sai về việc chậm trả 01 ngày/400.000 đồng hay là chậm trả toàn bộ số tiền 50.000.000 đồng"*cho nên không thể xác định được là sai một phần cam kết hay sai toàn bộ cam kết mới vi phạm. Mặt khác anh T không chứng minh được thiệt hại do bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ gây ra theo Điều 360, Điều 361 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Yêu cầu anh Nguyễn Duy T không được chấp nhận do đó anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền không được chấp nhận 100.000.000đ x 5% = 5.000.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.637.500đ theo lai thu số 0006414 ngày 21/11/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện PQ, anh T còn phải nộp 1.362.500đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng các Điều 280, 360, 361 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Duy T về việc buộc bà Lê Thị Th trả số tiền 15.500.000đồng và 30.000.000đồng tiền đặt cọc thuê mặt bằng.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T về việc buộc bà Lê Thị Th bồi thường số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) do vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết ngày 17/5/2017 .

3**.** Về án phí: Anh Nguyễn Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.000.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.637.500đ theo lai thu số 0006414 ngày 21/11/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện PQ, anh T còn phải nộp 1.362.500đồng.

Chị Lê Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đương sự T, Th vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy đinh pháp luật) để yêu cầu xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Phú Quốc;
- THADS Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Ngọc Triệu